

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÀU BÀNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2021/HS-ST
Ngày: 17-9-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÀU BÀNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Độ.

Ông Nguyễn Long Giang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Phương, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Thái Hoàng Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 52/2021/TLST-HS ngày 30 tháng 7 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: **36/2021/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 9 năm 2021** đối với các bị cáo:

1. Trần Thế B, sinh năm 1980 tại Bình Dương; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp T, xã H, huyện A, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: buôn bán; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần P và bà Nguyễn Thị V; có vợ là Trần Ngọc D và 01 con; tiền án: không; tiền sự: không; nhân thân: Bản án số 136/2013/HSST ngày 15 tháng 7 năm 2013 của Tòa án nhân dân huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương xử phạt Trần Thế B 15.000.000 đồng về tội Đánh bạc; bị bắt phạm tội quả tang ngày 03 tháng 3 năm 2021 và được trả tự do ngày 03 tháng 3 năm 2021; bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 12 tháng 3 năm 2021 cho đến nay; bị cáo tại ngoại, có mặt.

2. Huỳnh Phước H, sinh năm 1975 tại Thừa Thiên Huế; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp K, xã H, huyện A, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: buôn bán; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Phước C (đã chết) và bà Nguyễn Thị V1 (đã chết); có vợ là Nguyễn Thị P1 và 02 con; tiền án: không, tiền sự: không; bị bắt phạm tội quả tang ngày 03 tháng 3 năm 2021 và được trả tự do ngày 03

tháng 3 năm 2021; bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 12 tháng 3 năm 2021 cho đến nay bị cáo tại ngoại; có mặt.

3. Lê Văn Đ, sinh năm 1982 tại Hà Nam; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn I, xã L, huyện M, tỉnh Hà Nam; nơi sinh sống: ấp E, xã H, huyện A, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Thiên Chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn S và bà Nguyễn Thị N, có vợ là Lê Thị M và 02 con; tiền án: không; tiền sự: không; bị bắt phạm tội quả tang ngày 03 tháng 3 năm 2021 và được trả tự do ngày 03 tháng 3 năm 2021; bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 12 tháng 3 năm 2021 cho đến nay; bị cáo tại ngoại; có mặt.

4. Mai Văn R, sinh năm 1943 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: số 23/1, đường Q, phường 8, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi sinh sống: ấp E, xã H, huyện A, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: chăn nuôi; trình độ học vấn: 2/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Đạo Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Mai Văn L1 (đã chết) và bà Ngô Thị L2 (đã chết); có vợ là Đinh Thị L3 (đã chết) và 02 con; tiền án; tiền sự: không; bị bắt phạm tội quả tang ngày 03 tháng 3 năm 2021 và được trả tự do ngày 03 tháng 3 năm 2021; bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 12 tháng 3 năm 2021 cho đến nay; bị cáo tại ngoại, có mặt.

5. Nguyễn Thị K, sinh năm 1982 tại Bình Dương; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp E, xã H, huyện A, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T1 (đã chết) và bà Nguyễn Thị B1 (đã chết); có chồng là Nguyễn Minh T2 (đã chết) và 02 con; tiền án: không; tiền sự: không; bị bắt phạm tội quả tang ngày 03 tháng 3 năm 2021 và được trả tự do ngày 03 tháng 3 năm 2021; bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 12 tháng 3 năm 2021 cho đến nay; bị cáo tại ngoại, có mặt.

6. Trương Văn O, sinh năm 1972 tại Bình Dương; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp E, xã H, huyện A, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Văn U (đã chết) và bà Nguyễn Thị X (đã chết); có 02 con; tiền án: không; tiền sự: không; bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 12 tháng 3 năm 2021 cho đến nay; bị cáo tại ngoại, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Về hành vi phạm tội của các bị cáo:

Trương Văn O, Trần Thế B, Huỳnh Phước H, Lê Văn Đ, Nguyễn Thị K và Mai Văn R là bạn bè quen biết và ở gần nhà nhau.

Ngày 03 tháng 3 năm 2021, O gọi điện thoại nói R đến nhà O ở ấp E, xã H, huyện A, tỉnh Bình Dương để đánh bài dưới hình thức chơi xì dách (xì lác)

thắng thua bằng tiền, R đồng ý. Khi R đến nhà O thì có B, H, Đ, K và một số đối tượng (không rõ họ tên, địa chỉ) ở gần biết nhà O có đánh bài nên tự đến tham gia đánh bài thắng thua bằng tiền. Tại đây, B, H, Đ, K và R đánh bạc với hình thức đánh bài xì dách (xì lách) thắng thua bằng tiền với mức đặt cược từ 100.000 đồng cho đến 1.000.000 đồng và thay nhau làm cái xoay vòng (mỗi lần làm cái chia bài từ 07-10 ván bài thì O sẽ thu tiền xâu 50.000 đồng).

Luật chơi đánh bài xì dách thắng thua bằng tiền như sau: người làm cái sử dụng bộ bài tây 52 lá chia cho mình và người chơi mỗi người 02 lá bài. Sau đó, người chơi có thể được rút thêm tối đa là 03 lá bài nữa, tức là người chơi có tối đa là 5 lá bài/một ván. Mục tiêu của việc rút bài này làm sao tổng các lá bài mình cầm đạt càng gần số 21 hoặc bằng số 21. Các lá bài từ 02-10 thì điểm sẽ tương ứng với con số đó, các lá bài từ J, Q, K thì tương ứng với 10 điểm, lá bài Át (A) được tính là 1, 10 hoặc 11 điểm. Nếu khi chia 02 lá bài mà có 02 lá Át thì tính là xì bàn, 01 lá Át và 01 lá bài 10, J, Q hoặc K thì tính là xì dách. Khi người chơi có 05 lá bài mà tổng số điểm dưới 21 thì sẽ tính là ngũ linh. Khi người làm cái chia bài xong, người chơi và nhà cái chơi xem bài của mình để quyết định có rút lá bài tiếp theo hay không. Sau đó nhà cái mở bài của người chơi ra để so sánh thắng thua.

Đến 18 giờ cùng ngày, Công an huyện A phối hợp với Công an xã H, huyện A tiến hành bắt quả tang đối với B, H, Đ, K và R đang thực hiện hành vi đánh bạc thắng thua bằng tiền dưới hình thức đánh bài xì dách.

Đối với O sau đó đã trình diện khai nhận sử dụng địa điểm là nhà của mình và chuẩn bị bài, 01 ly thủy tinh, 01 đĩa sứ cho B, H, Đ, K, R và một số đối tượng không rõ họ tên, địa chỉ đã bỏ về trước đánh bài thắng thua bằng tiền dưới hình thức đánh bài xì dách nhằm mục đích thu tiền xâu. Khi các bị cáo chơi đánh bạc mỗi lần làm cái chia bài từ 07-10 ván bài thì đưa cho O 50.000 đồng tiền xâu. O khai nhận vào ngày 03 tháng 03 năm 2021, tổng số tiền xâu O thu được là 350.000 đồng.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội đã thực hiện đúng như Cáo trạng đã truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của các bị cáo B, H, Đ, K và R đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc”; hành vi của bị cáo O đủ yếu tố cấu thành tội “Gá bạc”.

Về các vấn đề khác của vụ án:

Theo Biên bản bắt người phạm tội quả tang ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện A, vật chứng thu giữ gồm: tổng số tiền là 48.450.000 đồng, gồm 22.600.000 đồng thu giữ tại chiếu bạc, 25.700.000 đồng thu giữ trong người bị cáo H, Đ, R và 150.000 đồng tiền xâu; 02 bộ bài tây 52 lá đã qua sử dụng; 01 đĩa sứ màu trắng; 01 ly thủy tinh.

Theo Biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện A đã tạm giữ của bị cáo R 01 điện thoại di động Nokia hiệu 1280 màu đen, số Imel: 353156/05/648758/3.

Theo Biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện A đã tạm giữ của bị cáo O 01 điện thoại di động hiệu Nokia RM-1011 màu đen, số Imel 1: 355731/06/275486/7, số Imel 2: 355731/06/275487/5 và số tiền 200.000 đồng.

Quá trình điều tra xác định: B sử dụng 5.200.000 đồng để đánh bạc, khi bị bắt thu tại chiếu bạc của B (làm cái) 4.800.000 đồng, thua 400.000 đồng. H sử dụng 10.000.000 đồng để đánh bạc, khi bị bắt thu giữ tại chiếu bạc 6.900.000 đồng, thu giữ trong người H 2.300.000 đồng, thua 800.000 đồng. Đ sử dụng 12.000.000 đồng để đánh bạc, khi bị bắt Đ thu giữ tại chiếu bạc 5.400.000 đồng, thu giữ trong người Đ 17.400.000 đồng, thắng 10.800.000. K sử dụng 1.500.000 đồng để đánh bạc, khi bị bắt thu giữ tại chiếu bạc 1.100.000 đồng, thua 400.000 đồng. R sử dụng 3.000.000 đồng để đánh bạc, khi bị bắt thu giữ tại chiếu bạc 4.400.000 đồng, thu giữ trong người 6.000.000 đồng, thắng 7.400.000 đồng. Riêng một số đối tượng không rõ nhân thân, lai lịch tham gia đánh bạc đã ra về trước khi bị bắt quả tang.

Tổng số tiền xâu O thu được vào ngày 03 tháng 03 năm 2021 là 350.000 đồng, O đã giao nộp lại (theo Biên bản bắt người phạm tội quả tang ngày 03 tháng 3 năm 2021 là 150.000 đồng và Biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu ngày 03 tháng 3 năm 2021 là 200.000 đồng).

Các đối tượng không rõ họ tên, địa chỉ tham gia đánh bạc và bỏ về trước, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện A đang xác minh làm rõ, khi nào có kết quả sẽ xử lý sau.

Đối với số tiền 48.300.000 đồng các bị cáo B, H, Đ, K và R dùng để đánh bạc, đề nghị tịch thu, nộp ngân sách nhà nước.

Đối với số tiền 350.000 đồng là tiền mà bị cáo O thu lợi bất chính từ việc gá bạc, đề nghị tịch thu, nộp ngân sách nhà nước.

Đối với 02 bộ bài tây loại 52 lá đã qua sử dụng, 01 đĩa sứ màu trắng, 01 ly thủy tinh là công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội và không có giá trị sử dụng, đề nghị tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 điện thoại di động Nokia hiệu 1280 màu đen, số Imel: 353156/05/648758/3 của bị cáo R và 01 điện thoại di động hiệu Nokia RM-1011 màu đen, số Imel 1: 355731/06/275486/7, số Imel 2: 355731/06/275487/5 của bị cáo O là phương tiện, công cụ dùng vào mục đích phạm tội nên đề nghị tịch thu, nộp ngân sách nhà nước.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, Kiểm sát viên và các bị cáo không có ý kiến gì về các vấn đề trên.

Về trích dẫn cáo trạng của Viện kiểm sát:

Bản Cáo trạng số 49/CT-VKSBB ngày 30 tháng 7 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện A đã truy tố các bị cáo B, H, Đ, K và R về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm

2017; truy tố bị cáo O về tội “Gá bạc” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 322 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo B, H, Đ, K và R về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo O về tội “Gá bạc” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 322 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Trên cơ sở đó, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

Về mức hình phạt:

Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo B, xử phạt bị cáo B từ 08 (tám) tháng đến 10 (mười) tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với các bị cáo H và Đ, xử phạt tiền mỗi bị cáo từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.

Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo K, xử phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng.

Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, điểm s, điểm o khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo R, xử phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 322, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo O, xử phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng.

Về xử lý vật chứng:

Đề nghị tịch thu, nộp ngân sách nhà nước: số tiền 48.300.000 đồng các bị cáo dùng để đánh bạc, số tiền 350.000 đồng bị cáo O thu lợi bất chính từ việc gá bạc, 01 điện thoại di động Nokia hiệu 1280 màu đen, số Imel: 353156/05/648758/3 của bị cáo R và 01 điện thoại di động hiệu Nokia RM-1011 màu đen, số Imel 1: 355731/06/275486/7, số Imel 2: 355731/06/275487/5 của bị cáo O là phương tiện, công cụ dùng vào việc phạm tội.

Đề nghị tịch thu tiêu hủy 02 bộ bài tây loại 52 lá đã qua sử dụng, 01 đĩa sứ màu trắng, 01 ly thủy tinh là công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến gì về quyết định truy tố của Viện kiểm sát và luận tội của Kiểm sát viên.

Các bị cáo nói lời sau cùng:

Bị cáo B: bị cáo biết sai trái, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo về làm việc nuôi vợ con.

Bị cáo H: bị cáo biết hành vi của mình là sai trái; bị cáo hứa không tái phạm.

Bị cáo Đ: bị cáo phạm tội đây là lần đầu tiên mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo R: bị cáo không nói lời nói sau cùng.

Bị cáo K: bị cáo hứa không tái phạm, bị cáo sẽ làm người công dân tốt.

Bị cáo O: bị cáo phạm tội lần đầu mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: về hành vi, quyết định tố tụng khác của Cơ quan điều tra Công an huyện Bàu Bàng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Quá trình tố tụng các bị cáo đều thừa nhận: vào khoảng 18 giờ ngày 03 tháng 03 năm 2021, các bị cáo B, H, Đ, K và R đánh bạc thắng thua bằng tiền với hình thức đánh bài xì dách (xì lách) tại nhà của bị cáo O thuộc ấp E, xã H, huyện B, tỉnh Bình Dương; tổng số tiền các bị cáo dùng đánh bạc là 48.300.000 đồng; bị cáo O đã có hành vi chứa đám bạc tại nhà của mình và nhận 350.000 đồng tiền xâu từ việc cho sử dụng địa điểm của mình, chuẩn bị công cụ, phương tiện để cho các bị cáo còn lại thực hiện hành vi phạm tội. Lời khai của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ thu thập được trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận các bị cáo B, H, Đ, K và R phạm tội Đánh bạc theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; do số tiền dùng đánh bạc trong cùng 01 lần trị giá 20.000.000 đồng trở lên nên hành vi của bị cáo O phạm tội Gá bạc theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 322 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Vì vậy, Cáo trạng truy tố các bị cáo tại phiên tòa là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Các bị cáo có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Xét hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội và xem thường pháp luật, xâm phạm đến an toàn trật tự công cộng, trật tự trị an tại địa phương, gây ảnh hưởng lớn đến cuộc sống của mỗi gia đình trong xã hội, là nguyên nhân phát sinh những tệ nạn khác. Vì vậy, việc đưa các bị cáo ra xét xử tại phiên tòa là hoàn toàn cần thiết.

[4] Vì tư lợi mà các bị cáo đã có hành vi đánh bạc trái phép dưới hình thức chơi bài xì dách thắng thua bằng tiền. Vụ án với tính chất đồng phạm giản đơn: các bị cáo B, H, Đ, K và R thay nhau làm cái; bị cáo O rủ bị cáo R đến nhà bị cáo O chơi đánh bạc, chứa đám bạc tại nhà của mình và nhận 350.000 đồng tiền xâu. Các bị cáo biết rõ hành vi đánh bạc trái phép được thua bằng tiền, hành vi gá bạc trái phép là vi phạm pháp luật nhưng các bị cáo vẫn thực hiện là phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp.

Bị cáo B năm 2013 bị Tòa án nhân dân huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương xử phạt về tội “Đánh bạc”, dù được xóa án tích nhưng không lấy đó làm bài học cho bản thân mà lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội. Như vậy, xét về nhân thân của bị cáo B là xấu, có thái độ xem thường pháp luật.

[5] Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo như sau:

[5.1] Đối với các bị cáo Trần Thế B:

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: không.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: thành khẩn khai báo theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Trong vụ án này, bị cáo phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nhưng bị cáo không phải phạm tội lần đầu, không thể hiện sự ăn năn hối cải nên Hội đồng xét xử không áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, ăn năn hối cải theo quy định tại điểm i và điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[5.2] Đối với các bị cáo Huỳnh Phước H, Lê Văn Đ, Mai Văn R và Nguyễn Thị K:

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: không.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải theo quy định tại điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Bị cáo K có bà nội là bà Nguyễn Thị V là người có công với cách mạng được Nhà nước truy tặng danh hiệu “Bà mẹ Việt Nam anh hùng” nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Bị cáo R khi thực hiện hành vi phạm tội trên 70 tuổi nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm o khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[5.3] Đối với bị cáo Trương Văn O:

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: không.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[6] Xét vụ án có tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội là lớn, xét tính chất của đồng phạm trong vụ án, việc Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt chính là tù có thời hạn đối với bị cáo B, áp dụng hình phạt chính là phạt tiền đối với các bị cáo H, Đ, K, R và O là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Căn cứ tính chất và mức độ tham gia phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ và nhân thân của bị cáo H, Đ, K và R, Hội đồng xét xử quyết định mức phạt tiền của bị cáo H và Đ cao hơn bị cáo K và R.

[7] Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng:

Đối với số tiền 48.650.000 đồng, Do gồm số tiền 48.300.000 đồng là tiền các bị cáo B, H, Đ, K và R dùng để đánh bạc; số tiền 350.000 đồng là tiền bị cáo O thu lợi bất chính từ việc gá bạc, 01 điện thoại di động hiệu Nokia 1280 màu đen, số Imel 1: 353156/05/648758/3 của bị cáo R và 01 điện thoại di động hiệu Nokia RM-1011 màu đen, số Imel 1: 355731/06/275486/7, số Imel 2: 355731/06/275487/5 của bị cáo O là công cụ, phương tiện phạm tội nên tịch thu, nộp ngân sách nhà nước theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 46, điểm a, điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 và điểm a, điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Đối với 02 bộ bài tây loại 52 lá đã qua sử dụng, 01 đĩa sứ màu trắng đã qua sử dụng, 01 ly thủy tinh đã qua sử dụng xét thấy không có giá trị sử dụng nên tịch thu và tiêu hủy theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 46, điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[8] Các đối tượng đánh bạc không rõ tên tuổi, địa chỉ, khi nào xác minh làm rõ sẽ xử lý sau.

[9] Về án phí: mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Trần Thế B.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321, điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Huỳnh Phước H và Lê Văn Đ.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321, điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Nguyễn Thị K.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321, điểm i, điểm s, điểm o khoản 1 Điều 51 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Mai Văn R.

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 46 và điểm a, điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, điểm a, điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Căn cứ vào Điều 135 và khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 6 và điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1 Tuyên bố bị cáo Trần Thế B, Huỳnh Phước H, Lê Văn Đ, Nguyễn Thị K và Mai Văn R phạm tội “Đánh bạc”.

Tuyên bố bị cáo Trương Văn O phạm tội “Gá bạc”.

Xử phạt bị cáo Trần Thế B 08 (tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ là 01 (một) ngày (ngày 03 tháng 03 năm 2021) vào thời hạn chấp hành hình phạt tù.

Xử phạt tiền bị cáo Huỳnh Phước H 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng).

Xử phạt tiền bị cáo Lê Văn Đ 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng).

Xử phạt tiền bị cáo Nguyễn Thị K 30.000.000 đồng (Đ mười triệu đồng).

Xử phạt tiền bị cáo Mai Văn R 30.000.000 đồng (Đ mười triệu đồng).

Tuyên bố bị cáo Trương Văn O phạm tội “Gá bạc”.

Xử phạt tiền bị cáo Trương Văn O 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng).

2 Về xử lý vật chứng:

Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước số tiền 48.650.000 đồng (*Giấy nộp tiền mặt số 0037 ngày 06 tháng 9 năm 2021 tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Phòng Giao dịch Bàu Bàng, Chi nhánh Mỹ Phước*).

Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động hiệu Nokia 1280 màu đen, số Imel 1: 353156/05/648758/3 của bị cáo Mai Văn R và 01 điện thoại di động hiệu Nokia RM-1011 màu đen, số Imel 1: 355731/06/275486/7, số Imel 2: 355731/06/275487/5 của bị cáo Trương Văn O.

Tịch thu, tiêu hủy: 02 bộ bài tây loại 52 lá đã qua sử dụng, 01 đĩa sứ màu trắng đã qua sử dụng và 01 ly thủy tinh đã qua sử dụng.

(Theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 07 tháng 9 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương).

3 Về án phí: các bị cáo Trần Thế B, Huỳnh Phước H, Lê Văn Đ, Nguyễn Thị K, Mai Văn R và Trương Văn O, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: các bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh B Dương;
- VKSND huyện Bàu Bàng;
- Công an huyện Bàu Bàng;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bàu Bàng;
- Bị cáo;
- Công thông tin điện tử của Tòa án (nếu có);
- Lưu: hồ sơ, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Tùng